

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: 对待朋友, 中国人曾用八个字来_____, 就是“有福同享, 有难同当”。

- A. 形容 B. 型容 C. 刑容 D. 行容

Câu 2: 越南人往往把父母对孩子的养育之恩比喻为_____。

- A. 泰山 B. 泰山 C. 秦山 D. 奉山

Câu 3: 我十分_____帮过我的那位大夫。

- A. 憾邀 B. 憾激 C. 感邀 D. 感激

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn, từ câu 4 đến câu 8.

学习的过程应当是用脑思考的过程, 无论是用眼睛看, 用口读, 或者用手抄写, 都是作为辅助用脑的方式, 关键还在于用脑子去 (4) _____. 比如说记单词, 如果你只是随意的浏览或漫无目的地抄写, 也许要很多遍才能记住, (5) _____不容易记牢, 而如果你能充分发挥自己的想象力, 运用联想的方法去记忆, (6) _____可以记得很快, 而且不容易遗忘. 现在很多书上介绍的英语单词快速记忆的方法, 也都是 (7) _____用脑筋联想的作用. 可见, 如果能做到集中精力, 发挥脑的潜力, 一定可以大大 (8) _____学习的效率.

(选自 王冶《快速通过 HSK》, 外文出版社, 2010 年)

Câu 4: A. 写 B. 看 C. 想 D. 读

Câu 5: A. 然而 B. 但是 C. 而且 D. 反而

Câu 6: A. 往常 B. 往后 C. 往往 D. 以往

Câu 7: A. 加强 B. 强调 C. 强化 D. 增强

Câu 8: A. 提高 B. 扩大 C. 增加 D. 满足

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ / cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 9: 在中学读书的时候, 她对中国文学发生了很大的兴趣。

- A. 发现 B. 产生 C. 出现 D. 生产

Câu 10: 我出去买东西, 回来时正赶上大雨。

- A. 遇到 B. 追上 C. 趁着 D. 快走

Câu 11: 我们几个人根本就不赞成老陈提出的那个建议。

- A. 完全 B. 本来 C. 始终 D. 主要

Câu 12: 大学毕业以后我就独立了, 那时起就不再向父母伸手了。

- A. 跟父母要钱 B. 照顾父母 C. 帮父母赚钱 D. 支援父母

Câu 13: 大家心里都明白, 这件事早晚要暴露的。

- A. 很快 B. 终于 C. 很晚 D. 迟早

Câu 14: 这种衣服早就过时了, 你怎么还买呀?

- A. 过去的时间 B. 过分时兴 C. 不流行了 D. 超过时间

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 15: 他今天的行动很不一般。

- A. 名词 B. 形容词 C. 副词 D. 动词

Câu 16: 在中国同学的帮助下, 我的汉语水平大大提高了。

- A. 形容词 B. 动词 C. 副词 D. 名词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 17: 你回家吧, _____ 逛逛商店, 别在这儿打扰别人工作。

- A. 或者 B. 以及 C. 而且 D. 还是

Câu 18: 这次考试能顺利通过, 全_____ 这几天的认真准备。

- A. 搞 B. 弄 C. 赖 D. 靠

Câu 19: 大家都知道这次考试非常重要, _____ 我们应该怎么做呢?

- A. 那么 B. 所以 C. 于是 D. 因此

Câu 20: 这个消息太 _____ 了, 大家都没有心理准备。

- A. 忽然 B. 果然 C. 必然 D. 突然

Câu 21: 来到这里, 我发现_____ 老人小孩在内的任何人, 都充满了希望。

- A. 包含 B. 包括 C. 概括 D. 概念

Câu 22: 他的经历告诉我们, _____, 这样才能有个好身体。

- A. 工作越忙就越要运动 B. 工作越忙就运动越要
C. 工作越忙越要就运动 D. 就要运动工作越忙越

Câu 23: 做一件好事并不难, 做一辈子好事则不那么_____。

- A. 容易 B. 轻易 C. 难 D. 为难

Câu 24: 她对自己的工作_____ 没有这么满意过。

- A. 终于 B. 总是 C. 到底 D. 从来

Câu 25: 文章已经写完了, 你偏偏再加上两句, 这不是画蛇添_____ 吗?

- A. 足 B. 脚 C. 手 D. 爪

Câu 26: 经常吃水果, _____ 补充营养_____ 可以美容。

- A. 或……或…… B. 既……又…… C. 是……还是…… D. 也……也……

Câu 27: 乘客同志们, 前面可能出现了什么情况, 车堵_____ 过不去。

- A. 的 B. 不 C. 过 D. 着

Câu 28: 这里的风光 _____ 我想起了家乡。

- A. 把 B. 被 C. 让 D. 给

Câu 29: 这次你不批评他, 下次他肯定_____ 会犯类似的错误。

- A. 重 B. 也 C. 仍 D. 再

Câu 30: 明天参加比赛, 所有同学_____ 穿白衬衣、黑裤子。

- A. 一律 B. 一直 C. 一色 D. 一身

